

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**

Số: 1063 /ĐTB-CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 04 tháng 05 năm 2026.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà**
- Mã chứng khoán: TBC
- Địa chỉ: Thôn 1, Xã Thác Bà, tỉnh Yên Bái, Lào Cai.
- Điện thoại liên hệ: 0216.3884 116 - Fax: 0216.3884 167
- E-mail: thacbahpc@thacba.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 1 năm 2026 đính kèm giải trình.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2026 đính kèm giải trình.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/04/2026 tại đường dẫn <http://thacba.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng P5;
- Lưu: VT, TK.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Quyền

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 1 năm 2026 đính kèm giải trình.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2026 đính kèm giải trình.

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
THÁC BÀ**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ
DN:
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=M
ST:520024095, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ,
S=Lào Cai, C=VN
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2026-05-04 16:09:45
Foxit Reader Version: 10.0.1

PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

To: Ho Chi Minh City Stock Exchange.

1. Organization name: **Thac Ba Hydropower Joint Stock Company**
- Stock code: TBC
- Address: Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
- Contact phone: 0216.3884 116 - Fax: 0216.3884 167
- E-mail: *thacbahpc@thacba.vn*

2. Content of published information:

- Separate Financial statements for the first quarter of 2026.
- Consolidated financial statements for the first quarter of 2026.

3. This information was announced on the company's website on April 30, 2026 at the link <http://thacba.vn>

We hereby commit that the information published above is true and take full responsibility before the law for the content of the published information./.

-Receiving place:

- As above;
- Department P5;
- Save: VT, TK.

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY
LEGAL REPRESENTATIVE
GENERAL DIRECTOR



Nguyễn Van Quyên
Nguyễn Van Quyên

Attached documents:

- *Separate Financial statements for the first quarter of 2026.*
- *Consolidated financial statements for the first quarter of 2026.*

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Số: 062/BC - TĐTĐ - P5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 1 - NĂM 2026

Lào Cai, ngày 30 tháng 04 năm 2026



BẢNG CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		295.760.641.855	241.711.031.814
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	39.403.891.572	70.681.930.571
111	1. Tiền		39.403.891.572	20.681.930.571
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	50.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	87.607.043.500	84.107.043.500
121	1. Chứng khoán kinh doanh		13.694.543.500	13.694.543.500
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		73.912.500.000	70.412.500.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		159.124.038.994	81.593.864.985
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		119.827.220.454	50.932.609.497
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		388.143.320	3.449.522.134
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	38.908.675.220	27.524.452.778
136	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(312.719.424)
140	IV. Hàng tồn kho	6	5.098.859.970	5.079.716.053
141	1. Hàng tồn kho		5.098.859.970	5.079.716.053
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
160	VI. Tài sản ngắn hạn khác		4.526.807.819	248.476.705
161	1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn		4.024.338.178	229.013.055
162	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
163	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	502.469.641	19.463.650
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.055.586.092.537	1.039.422.978.661
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
215	1. Phải thu dài hạn khác		-	-
220	II. Tài sản cố định		471.801.734.887	331.273.630.132
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	457.559.614.094	316.864.654.022
222	- Nguyên giá		1.878.342.256.318	1.730.066.557.396
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.420.782.642.224)	(1.413.201.903.374)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	14.242.120.793	14.408.976.110
228	- Nguyên giá		22.411.162.640	22.411.162.640
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.169.041.847)	(8.002.186.530)
250	V Tài sản dở dang dài hạn		10.259.322.854	128.953.955.669
251	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
252	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	10.259.322.854	128.953.955.669
260	VI. Đầu tư tài chính dài hạn		570.702.106.764	577.805.231.764
261	1. Đầu tư vào công ty con		337.624.176.764	337.624.176.764
262	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		103.861.380.000	103.861.380.000
263	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		60.510.300.000	60.510.300.000
265	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn		68.706.250.000	75.809.375.000
270	VII Tài sản dài hạn khác		2.822.928.032	1.390.161.096
271	1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn		1.000.600.727	1.390.161.096
273	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		1.822.327.305	-
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.351.346.734.392	1.281.134.010.475

2002
CÔNG
CỔ
THỦ
THÁC
BÀ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		270.253.136.740	156.188.356.247
310	I. Nợ ngắn hạn		189.833.571.525	81.296.689.581
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		7.543.046.480	24.770.154.950
312	2. Người mua trả tiền ngắn hạn		2.424.610.609	1.621.600.385
313	3. Phải trả về cổ tức, lợi nhuận		127.194.992.722	194.992.722
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	11	24.729.681.465	20.665.940.266
315	5. Phải trả người lao động		3.469.733.480	11.187.898.427
316	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	464.872.986	450.453.775
319	7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn		(1.308.524.751)	
320	8. Phải trả ngắn hạn khác	13	5.126.467.026	6.562.257.548
321	9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	15.766.666.666	15.766.666.666
323	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.422.024.842	76.724.842
330	II. Nợ dài hạn		80.419.565.215	74.891.666.666
339	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	80.419.565.215	74.891.666.666
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	1.081.093.597.652	1.124.945.654.228
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu mua lại của chính mình		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		302.057.614.951	302.057.614.951
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		144.035.982.701	187.888.039.277
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		55.888.039.277	68.609.809.242
420b	- LNST chưa phân phối kỳ này		88.147.943.424	119.278.230.035
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.351.346.734.392	1.281.134.010.475

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 1 năm 2026

Người lập

Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng

Lê Hồng Minh



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THẮC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 1 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2026

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2026		Quý 1 năm 2025		Lấy ké đến 31/03/2026		Lấy ké đến 31/03/2025	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	111.568.762.188	64.002.087.035	111.568.762.188	64.002.087.035	64.002.087.035	64.002.087.035	64.002.087.035	64.002.087.035
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		111.568.762.188	64.002.087.035	111.568.762.188	64.002.087.035	64.002.087.035	64.002.087.035	64.002.087.035	64.002.087.035
11	4. Giá vốn hàng bán	17	33.533.866.570	29.656.306.789	33.533.866.570	29.656.306.789	33.533.866.570	29.656.306.789	33.533.866.570	29.656.306.789
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		78.034.895.618	34.345.780.246	78.034.895.618	34.345.780.246	78.034.895.618	34.345.780.246	78.034.895.618	34.345.780.246
22	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	32.287.853.447	2.250.101.716	32.287.853.447	2.250.101.716	32.287.853.447	2.250.101.716	32.287.853.447	2.250.101.716
23	7. Chi phí tài chính	19	1.204.778.324	928.447.266	1.204.778.324	928.447.266	1.204.778.324	928.447.266	1.204.778.324	928.447.266
24	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.202.654.774		1.202.654.774		1.202.654.774		1.202.654.774	
25	8. Chi phí bán hàng									
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		7.499.066.013	6.946.440.061	7.499.066.013	6.946.440.061	7.499.066.013	6.946.440.061	7.499.066.013	6.946.440.061
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		101.618.904.728	28.720.994.635	101.618.904.728	28.720.994.635	101.618.904.728	28.720.994.635	101.618.904.728	28.720.994.635
31	11. Thu nhập khác	20	1.491.976.559	176.251.600	1.491.976.559	176.251.600	1.491.976.559	176.251.600	1.491.976.559	176.251.600
32	12. Chi phí khác	21	108.001.257	615.000.984	108.001.257	615.000.984	108.001.257	615.000.984	108.001.257	615.000.984
40	13. Lợi nhuận khác		1.383.975.302	(438.749.384)	1.383.975.302	(438.749.384)	1.383.975.302	(438.749.384)	1.383.975.302	(438.749.384)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		103.002.880.030	28.282.245.251	103.002.880.030	28.282.245.251	103.002.880.030	28.282.245.251	103.002.880.030	28.282.245.251



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp
Quý 1 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2026

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2026		Quý 1 năm 2025		Lũy kế đến 31/03/2026		Lũy kế đến 31/03/2025	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND		
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		14.854.936.606		5.656.449.050		14.854.936.606		5.656.449.050	
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-		-		-		-	
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		88.147.943.424		22.625.796.201		88.147.943.424		22.625.796.201	

70 Lãi cơ bản trên cổ phiếu
71 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Người lập

Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng

Lê Hồng Minh



4046
IG TY
PHÂN
Y DIỆN
ÁC B
5
A-T

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢPQuý I năm 2026
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2026	31/03/2025
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		103.002.880.030	28.282.245.251
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT		7.747.594.167	10.161.107.613
03	- Các khoản dự phòng		(312.719.424)	586.228.461
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(296.617.173)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính		(32.287.853.447)	(1.321.654.450)
06	- Chi phí đi vay		1.202.654.774	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		79.055.938.927	37.707.926.875
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(56.157.783.617)	5.093.261.587
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(19.143.917)	(2.805.462.465)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(19.920.671.080)	(7.551.147.456)
12	- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ		(3.405.764.754)	48.657.812
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Chi phí lãi vay đã trả		(1.522.693.521)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(16.309.112.806)	(3.208.434.272)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(594.500.000)	(1.752.396.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(18.873.730.768)	27.532.406.081
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(42.181.853.646)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.500.000.000)	(20.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.103.125.000	5.603.125.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.646.521.866	182.460.146
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(17.932.206.780)	(14.214.414.854)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		9.900.000.000	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(4.372.101.451)	-
35	3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(31.744.950.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.527.898.549	(31.744.950.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2026
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2026	31/03/2025
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(31.278.038.999)	(18.426.958.773)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		70.681.930.571	80.602.525.614
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		<u>39.403.891.572</u>	<u>62.175.566.841</u>



Nguyễn Trung Hiếu
 Người lập



Lê Hồng Minh
 Kế Toán trưởng




Nguyễn Văn Quyền
 Tổng Giám đốc

Lào Cai, Ngày 30 tháng 04 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 năm 2026

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 03 tháng 09 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 635.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2026 là 635,000,000,000 đồng; tương đương 63,500,000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là năng lượng điện

1.3 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

1.4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

1.5 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

1.6 . Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật
- Địa chỉ: Thôn 1, Xã Thác Bà, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Công ty sở hữu trực tiếp 1 công ty con với thông tin cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum
- Địa chỉ: Thôn Bản Xèo, xã Bản Xèo, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- Tỷ lệ sở hữu: 50,94%

- Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty đang áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính .

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn, có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và doanh nghiệp không bị hạn chế sử dụng.

2.4 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a Chứng khoán kinh doanh

b Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các Tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu, các khoản cho vay và các loại chứng khoán nợ khác và không được phân loại là tương đương tiền. Nếu kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán được phân loại là tài sản ngắn hạn. Trường hợp kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán được phân loại là tài sản dài hạn.

c Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng tăng giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

2.8 . Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc đi vay của Công ty. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn được vốn hóa trong kỳ cần thiết để hoàn tất và đưa tài sản vào hoạt động theo đúng mục đích dự kiến. Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào kết quả kinh doanh.

2.10 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.11 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.12 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được Công ty ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 1 năm 2026

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng tăng giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.15 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	136.711.101	79.411.101
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.267.180.471	20.602.519.470
Các khoản tương đương tiền	-	50.000.000.000
	39.403.891.572	70.681.930.571

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a Chứng khoán kinh doanh	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	13.694.543.500	13.980.450.000	13.694.543.500	16.247.550.000

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh này tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 được xác định bằng thị giá của cổ phiếu vào thời điểm đóng cửa phiên giao dịch chứng khoán tại ngày cuối có giao dịch trong tháng 03 năm 2026, với giá trị là 11.100 VND/cổ phiếu.

b Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1 Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	45.500.000.000	45.500.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000
- Cho vay (**)	28.412.500.000	28.412.500.000	28.412.500.000	28.412.500.000
	73.912.500.000	73.912.500.000	70.412.500.000	70.412.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 1 năm 2026

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/03/2026 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn trên 3 tháng đến 207 ngày và hưởng lãi suất 4,75%/năm đến 7,2%/năm.

(**) Cho vay tại ngày 31/03/2026 bao gồm các khoản cho vay dài hạn đến hạn thu nội bộ được phân loại là ngắn hạn (CTCP Thủy điện Mường Hum là 22.412.500.000 đồng; CTCP Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 là 6.000.000.000 đồng)

b2	Dài hạn	31/03/2026		01/01/2026	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
-	Đầu tư vào công ty con(i)	337.624.176.764	-	337.624.176.764	-
	CTCP Thủy điện Mường Hum	337.624.176.764	-	337.624.176.764	-
-	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết(ii)	103.861.380.000	-	103.861.380.000	-
	CTCP Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	103.861.380.000	-	103.861.380.000	-
	Dự phòng đầu tư tài chính TBC2	-	-	-	-
	Đầu tư vốn góp vào đơn vị khác (iii)	60.510.300.000	12.210.000.000	60.510.300.000	11.990.000.000
	CTCP Nhiệt điện Hải Phòng	11.960.300.000	12.210.000.000	11.960.300.000	11.990.000.000
	CTCP Thủy điện Thái An	48.550.000.000	-	48.550.000.000	-
-	Cho vay (iiii)	68.706.250.000	-	75.809.375.000	-
	CTCP Thủy điện Mường Hum	11.206.250.000	-	16.809.375.000	-
	CTCP ĐTTĐ Thác bà 2	57.500.000.000	-	59.000.000.000	-
	Tổng Cộng	570.702.106.764	12.210.000.000	577.805.231.764	11.990.000.000

(i) Tại ngày 31/03/2026

- Công ty nắm giữ 50,94% quyền biểu quyết tương ứng 25.889.270 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(ii) Tại ngày 31/03/2026

- Công ty nắm giữ 49% quyền biểu quyết tương ứng 10.386.138 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(iii) Tại ngày 31/03/2026

- Công ty nắm giữ 1.100.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch đóng cửa vào ngày cuối có giao dịch trong tháng 03 năm 2026 là 11.100 VND/cổ phiếu (31/12/2025: 11.900 VND/cổ phiếu).

- Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(iiii) Tại ngày 31/03/2026

- Cho vay tại ngày 31/03/2026 bao gồm các khoản cho vay dài hạn phải thu nội bộ được phân loại là dài hạn (CTCP Thủy điện Mường Hum là 11.206.250.000 đồng; CTCP Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 là 57.500.000.000 đồng)

5 PHẢI THU KHÁC

a	Ngắn hạn	31/03/2026		01/01/2026	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	35.957.986.000	-	25.889.270.000	-
	Phải thu về lãi tiền gửi	841.028.767	-	318.915.753	-
	Phải thu người lao động	196.002.371	-	195.192.630	-
	Ký quỹ, ký cược	-	-	-	-
	Phải thu khác	1.913.658.082	-	1.121.074.395	-
		38.908.675.220	-	27.524.452.778	-
b	Dài hạn	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 1 năm 2026

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-		-	
Nguyên liệu, vật liệu	3.835.797.975		4.358.990.728	
Công cụ, dụng cụ	403.645.500		401.242.314	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	859.416.495		319.483.011	
	5.098.859.970		5.079.716.053	

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	483.005.991	-
Thuế Giá trị gia tăng	-	-
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	19.463.650	19.463.650
	502.469.641	19.463.650

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Tel: (84-0216) 3 884 116

Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp
Quý I năm 2026**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2026	658.588.194.484	1.037.217.445.422	25.544.743.284	8.598.719.661	117.454.545	1.730.066.557.396
Mua sắm	-	-	-	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13.876.044.200	134.399.654.722	-	-	-	148.275.698.922
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2026	672.464.238.684	1.171.617.100.144	25.544.743.284	8.598.719.661	117.454.545	1.878.342.256.318
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2026	615.219.982.074	773.941.882.476	17.973.584.966	5.949.351.902	117.101.956	1.413.201.903.374
Trích khấu hao	877.824.794	6.277.016.563	325.491.774	100.053.130	352.589	7.580.738.850
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2026	616.097.806.868	780.218.899.039	18.299.076.740	6.049.405.032	117.454.545	1.420.782.642.224
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2026	43.368.212.410	263.275.562.946	7.571.158.318	2.649.367.759	352.589	316.864.654.022
Tại ngày 31/03/2026	56.366.431.816	391.398.201.105	7.245.666.544	2.549.314.629	-	457.559.614.094

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 1 năm 2026

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>TSCĐ vô hình khác</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2026	20.558.322.400	1.852.840.240	22.411.162.640
Mua sắm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 31/03/2026	20.558.322.400	1.852.840.240	22.411.162.640
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2026	6.394.107.406	1.608.079.124	8.002.186.530
Trích khấu hao	102.788.304	64.067.013	166.855.317
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 31/03/2026	6.496.895.710	1.672.146.137	8.169.041.847
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2026	14.164.214.994	244.761.116	14.408.976.110
Tại ngày 31/03/2026	14.061.426.690	180.694.103	14.242.120.793

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	<u>31/03/2026</u> VND	<u>01/01/2026</u> VND
Dự án nâng cấp thiết bị tổ máy - NMTĐ Thác Bà	-	110.082.238.512
Dự án nâng cấp thiết bị điện - NMTĐ Thác Bà	8.730.304.543	2.294.701.741
Máy móc thiết bị chưa lắp đặt, chạy thử (thuộc dự án nâng cấp thiết bị tổ máy - NMTĐ Thác Bà; Dự án nâng cấp thiết bị điện - NMTĐ Thác Bà; Dự án thay mới hệ thống rơ le bảo vệ đường dây 110 kV - NMTĐTB)	-	8.290.027.157
Dự án Xử lý sạt lở hạ lưu	-	7.741.399.578
Dự án bổ sung CT xả lũ Hồ thủy điện Thác Bà- NMTĐTB	1.800.000	-
Dự án thay mới HT rơ le bảo vệ đường dây 110 kV - NMTĐTB	-	98.000.000
Khác	1.527.218.311	447.588.681
	10.259.322.854	128.953.955.669

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>01/01/2026</u> VND	<u>Số phải nộp</u> VND	<u>Số đã thực nộp</u> VND	<u>31/03/2026</u> VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.138.695.450	5.613.356.800	5.759.034.508	993.017.742
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	16.309.112.806	14.854.936.606	16.309.112.806	14.854.936.606
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	5.234.099.000	-	5.234.099.000
Thuế Tài nguyên	2.876.600.601	13.196.788.954	12.425.761.438	3.647.628.117
Thuế Thu nhập cá nhân	341.531.409	1.529.618.733	1.871.150.142	-
Các loại thuế khác	-	182.083.496	182.083.496	-
	20.665.940.266	40.610.883.589	36.547.142.390	24.729.681.465

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/03/2026</u> VND	<u>01/01/2026</u> VND
a Ngắn hạn		
Chi phí phải trả khác	464.872.986	450.453.775
	464.872.986	450.453.775

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 1 năm 2026

b Dài hạn

13 . PHẢI TRẢ KHÁC

a Ngắn hạn

	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Phí dịch vụ Môi trường rừng	4.310.982.612	3.821.341.896
Phải trả, phải nộp khác	815.484.414	2.740.915.652
	5.126.467.026	6.562.257.548

14 VAY

	01/01/2026	Số phát sinh trong kỳ		31/03/2026
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
Vay dài hạn				
Vay dài hạn đến hạn trả	15.766.666.666	4.372.101.451	4.372.101.451	15.766.666.666
Vay dài hạn	74.891.666.666	9.900.000.000	4.372.101.451	80.419.565.215
Chi tiết khoản vay dài hạn ngân hàng được trình bày như sau:				
Ngân hàng	31/03/2026	Kỳ hạn trả gốc lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Shinhanbank				
SHBVN/CM C/032023/H DTD/THAC BA-MAC	96.186.231.881	Gốc và lãi vay trả hàng quý, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 06 tháng 09 năm 2031		6,18%
				Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án
Tổng	96.186.231.881			

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

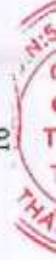
Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 1 năm 2026

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	VND	Vốn khác của chủ sở hữu	VND	Quỹ đầu tư phát triển	VND	Quỹ dự phòng tài chính	VND	Lợi nhuận chưa phân phối	VND	Cộng	VND
Tại ngày 01/01/2026	635.000.000.000	-	302.057.614.951	-	187.888.039.277	-	1.124.945.654.228				
Tại ngày 01/01/2026	635.000.000.000	-	302.057.614.951	-	187.888.039.277	-	1.124.945.654.228				
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	88.147.943.424	88.147.943.424	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng khác (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(127.000.000.000)	(127.000.000.000)	-	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2026	635.000.000.000	-	302.057.614.951	-	144.035.982.701	-	1.081.093.597.652				



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 1 năm 2026

16 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Quý 1 năm 2026	Lũy kế đến 31/03/2026
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	110.901.142.343	110.901.142.343
Doanh thu cung cấp dịch vụ	667.619.845	667.619.845
	111.568.762.188	111.568.762.188
	-	-
17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Quý 1 năm 2026	Lũy kế đến 31/03/2026
	VND	VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	33.333.437.249	33.333.437.249
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	200.429.321	200.429.321
	33.533.866.570	33.533.866.570
	-	-
18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Quý 1 năm 2026	Lũy kế đến 31/03/2026
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	2.757.669.006	2.757.669.006
Cổ tức, lợi nhuận được chia	28.728.197.000	28.728.197.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	801.987.441	801.987.441
	32.287.853.447	32.287.853.447
	-	-
19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Quý 1 năm 2026	Lũy kế đến 31/03/2026
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.202.654.774	1.202.654.774
Chi phí tài chính khác	2.123.550	2.123.550
	1.204.778.324	1.204.778.324
	-	-
20 THU NHẬP KHÁC	Quý 1 năm 2026	Lũy kế đến 31/03/2026
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Các khoản khác	1.491.976.559	1.491.976.559
	1.491.976.559	1.491.976.559
	-	-
21 CHI PHÍ KHÁC	Quý 1 năm 2026	Lũy kế đến 31/03/2026
	VND	VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Các khoản khác	108.001.257	108.001.257
	108.001.257	108.001.257

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý I năm 2026

22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý I năm 2026	Lũy kế đến 31/03/2026
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	201.192.936	201.192.936
Chi phí nhân công	10.065.351.501	10.065.351.501
Chi phí khấu hao	7.747.594.167	7.747.594.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.465.553.742	1.465.553.742
Chi phí khác	22.093.173.721	22.093.173.721
	41.572.866.067	41.572.866.067

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý I năm 2026	Lũy kế đến 31/03/2026
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	91.459.504	91.459.504
Chi phí nhân công	3.805.418.943	3.805.418.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	376.943.838	376.943.838
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.032.493.761	1.032.493.761
Chi phí khác bằng tiền	2.192.749.967	2.192.749.967
	7.499.066.013	7.499.066.013

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý I năm 2026	Lũy kế đến 31/03/2026
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	14.854.936.606	14.854.936.606
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.854.936.606	14.854.936.606

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 99% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý I năm 2026

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Quý 1/2026	Quý 1/2025
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Doanh thu bán điện	Công ty mẹ của cổ đông lớn	110.901.142.343	60.243.112.413
	Cổ tức công bố		76.730.336.000	-
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Cổ tức đã thanh toán	Công ty mẹ	-	19.182.584.000
	Cổ tức công bố		38.100.000.000	-
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ tức đã thanh toán	Cổ đông lớn	-	9.525.000.000
	Thu hồi tiền cho vay		5.603.125.000	5.603.125.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Lãi tiền cho vay	Công ty con	696.706.379	1.059.527.912
	Doanh thu khác		45.000.000	45.000.000
	Doanh thu cung cấp		-	-
	Cổ tức được chia công bố		28.478.197.000	-
	Cổ tức được chia nhận được		18.409.481.000	-
			-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Công ty liên kết	577.416.650	3.359.345.455
	Doanh thu khác		1.118.313.750	60.000.000
	Doanh thu tài chính		1.667.356.566	410.630.697

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý:

	Mối quan hệ	31/03/2026	01/01/2026
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		117.923.428.299	44.993.951.063
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của cổ đông lớn	115.244.605.559	44.993.951.063
Công ty Cổ phần phát triển điện Đông Dương	Công ty trong cùng tập đoàn	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	2.678.822.740	2.414.851.408
Phải thu ngắn hạn khác		37.655.917.832	25.917.982.561
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con	36.029.696.787	25.917.982.561
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	1.626.221.045	1.016.701.534
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	76.730.336.000	-
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	38.100.000.000	-
Người mua trả tiền trước Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thủy Điện Trà Khúc 2	Công ty trong cùng tập đoàn	387.808.380	387.808.380

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý I năm 2026

	Mối quan hệ	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu về cho vay		97.118.750.000	104.221.875.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con	33.618.750.000	39.221.875.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thủy Điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	63.500.000.000	65.000.000.000
<i>Trong đó:</i>		-	-
- Cho vay dài hạn đến hạn thu		28.412.500.000	28.412.500.000
- Cho vay dài hạn		68.706.250.000	75.809.375.000

27 . THÔNG TIN KHÁC

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế Quý 1/2026 với Quý 1/2026

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1/2026 đạt 88.147.943.4249 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1/2025 đạt 22.625.796.201 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1/2026 so với Quý 1/2025 tăng 65.522.147.223 đồng (tăng 290%) là do các nguyên nhân sau:

- Tổng doanh thu Quý 1/2026 so với cùng kỳ Quý 1/2025 tăng 78.920.151.843 đồng (tăng 119%) đồng là do:

(i) Doanh thu hoạt động điện tăng 50.658.029.930 đồng (tăng 84%) so với cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu do mức nước đầu năm 2026 đạt 57,80m cao hơn cùng kỳ 0,46m, lưu lượng nước về hồ bình quân 03 tháng đầu năm 2026 đạt 93,5m³/s cao hơn so với cùng kỳ là 24,77m³/s (tăng 36%). Sản lượng điện thương phẩm Quý 1/2026 đạt 119,75 triệu kWh cao hơn 39,88 triệu kWh (tăng 50%) so với cùng kỳ. Giá bán điện bình quân Quý 1/2026 đạt 926 đồng/kWh (tăng 23%) so với cùng kỳ.

(ii) Doanh thu hoạt động dịch vụ kỹ thuật giảm 3.091.354.777 đồng (giảm 82%) so với cùng kỳ năm 2025 là do giá trị các hợp đồng dịch vụ kỹ thuật được nghiệm thu trong Quý 1/2026 ít hơn so với cùng kỳ năm 2025.

(iii) Doanh thu Hoạt động tài chính tăng 30.037.751.731 đồng (tăng 1335%) so với cùng kỳ năm 2025. Tăng chủ yếu do trong Quý 1/2026 phát sinh doanh thu từ cổ tức là 28,7 tỷ đồng (Cổ tức TAH 250 triệu đồng; Cổ tức MHP 28,4 tỷ đồng) nhiều hơn so với cùng kỳ Quý 1/2025 (không phát sinh doanh thu từ cổ tức). Doanh thu từ lãi tiền gửi và lãi cho vay, phí bảo lãnh Quý 1/2026 nhiều hơn 1,3 tỷ đồng so với cùng kỳ Quý 1/2025.

(iv) Doanh thu khác Quý 1/2026 tăng 1,3 tỷ đồng (tăng 747%) so với cùng kỳ năm 2025 chủ yếu do Quý 1/2026 phát sinh 1,07 tỷ bồi thường theo hợp đồng so với cùng kỳ Quý 1/2025. Mặt khác, Quý 1/2026 phát sinh 176 triệu doanh thu từ khoản thu lãi chậm trả các hợp đồng dịch vụ (Quý 1/2025 không phát sinh) so với cùng kỳ.

- Tổng chi phí Quý 1/2026 so với cùng kỳ năm 2024 tăng 4.199.517.064 đồng (tăng 11%) so với cùng kỳ năm 2025 chủ yếu do chi phí thuế tài nguyên và phí Dịch vụ MTR tăng do sản lượng điện thương phẩm trong Quý 1/2026 cao hơn so với cùng kỳ Quý 1/2025. Còn lại là các chi phí biến động khác.

- Thuế TNDN Quý 1/2026 so với cùng kỳ năm 2025 tăng 9,1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025. Chính sách thuế TNDN áp dụng cho công ty trong Quý 1/2026 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước. Thuế TNDN trong Quý 1/2026 tăng là do thu nhập tính thuế TNDN theo quy định trong Quý 1/2026 tăng so cùng kỳ năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thôn 1, Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính tổng hợp

Quý 1 năm 2026



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế Toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Lào Cai, Ngày 30 tháng 04 năm 2026



THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

No: 062/BC - TDTB - P5

**SEPARATE FINANCIAL
STATEMENTS
QUARTER 1 OF 2026**



Lao Cai, 30 April 2026

COMBINED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION*As at 31 March 2026*

Code	ASSETS	Note	31 March 2026	01 January 2026
			VND	VND
100	A. SHORT-TERM ASSETS		295.760.641.855	241.711.031.814
110	I. Cash and cash equivalents	3	39.403.891.572	70.681.930.571
111	1. Cash		39.403.891.572	20.681.930.571
112	2. Cash equivalents		-	50.000.000.000
120	II. Short-term investments	4	87.607.043.500	84.107.043.500
121	1. Trading securities		13.694.543.500	13.694.543.500
123	2. Short-term investments		73.912.500.000	70.412.500.000
130	III. Short-term accounts receivable		159.124.038.994	81.593.864.985
131	1. Trade receivables		119.827.220.454	50.932.609.497
132	2. Advances to suppliers		388.143.320	3.449.522.134
135	4. Other receivables	5	38.908.675.220	27.524.452.778
136	5. Provisions for short-term bad debts		-	(312.719.424)
140	IV. Inventories	6	5.098.859.970	5.079.716.053
141	1. Inventories		5.098.859.970	5.079.716.053
142	2. Provision for obsolescence of inventories		-	-
160	V. Other current assets		4.526.807.819	248.476.705
161	1. Short-term prepaid expenses		4.024.338.178	229.013.055
162	2. VAT deductibles		-	-
163	3. Taxes and other receivables from the State	7	502.469.641	19.463.650
200	B. NON- CURRENT ASSETS		1.055.586.092.537	1.039.422.978.661
210	I. Long-term receivables		-	-
220	II. Fixed assets		471.801.734.887	331.273.630.132
221	1. Fixed assets	8	457.559.614.094	316.864.654.022
222	- Cost		1.878.342.256.318	1.730.066.557.396
223	- Accumulated depreciation		(1.420.782.642.224)	(1.413.201.903.374)
227	2. Intangible fixed assets	9	14.242.120.793	14.408.976.110
228	- Cost		22.411.162.640	22.411.162.640
229	- Accumulated amortization		(8.169.041.847)	(8.002.186.530)
250	IV. Long-term-financial investments		10.259.322.854	128.953.955.669
251	1. Production in progress: long-term			
252	2. Construction in progress	10	10.259.322.854	128.953.955.669
260	V. Long-term investments		570.702.106.764	577.805.231.764
261	1. Investment in subsidiaries		337.624.176.764	337.624.176.764
262	2. Investments in joint-ventures, associates		103.861.380.000	103.861.380.000
263	3. Investments in Other Companies		60.510.300.000	60.510.300.000
265	4. Provision for Long-term Investments Devaluation		68.706.250.000	75.809.375.000
270	VI. Other long-term assets		2.822.928.032	1.390.161.096
271	1. Long-term prepaid expenses		1.000.600.727	1.390.161.096
273	2 Long-term spare parts and standby equipment		1.822.327.305	-
280	TOTAL ASSETS		1.351.346.734.392	1.281.134.010.475

COMBINED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION*As at 31 March 2026*

(continue)

Code	RESOURCES	Note	31 March 2026	01 January 2026
			VND	VND
300	C. LIABILITIES		270.253.136.740	156.188.356.247
310	I. Current liabilities		189.833.571.525	81.296.689.581
311	1. Trade payables		7.543.046.480	24.770.154.950
312	2. Advances from customers		2.424.610.609	1.621.600.385
313	3. Dividends and profits payable		127.194.992.722	194.992.722
314	4. Tax payables and statutory obligations	11	24.729.681.465	20.665.940.266
315	5. Payables to employees		3.469.733.480	11.187.898.427
316	6. Accrued expenses	12	464.872.986	450.453.775
319	7. Unrealized revenues		(1.308.524.751)	
320	8. Other payables	13	5.126.467.026	6.562.257.548
321	9. Short-term loan and finance lease obligations		15.766.666.666	15.766.666.666
232	10. Bonus and welfare fund		4.422.024.842	76.724.842
330	II. Non-Current liabilities		80.419.565.215	74.891.666.666
339	1. Long-term loans and debts		80.419.565.215	74.891.666.666
400	D. OWNER'S EQUITY		1.081.093.597.652	1.124.945.654.228
411	1. Contributed legal capital		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Ordinary stock with voting right		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Preferred stock capital		-	-
412	2. Share capital surplus		-	-
413	3. The Right to convert the Convertible Bonds to shares		-	-
414	4. Other equity's resources		-	-
415	5. Treasury stocks		-	-
416	6. Asset revaluation differences		-	-
417	7. Foreign exchange differences		-	-
418	8. Investment and development fund		302.057.614.951	302.057.614.951
419	9. Financial reserve fund		-	-
420	11. Undistributed earnings		144.035.982.701	187.888.039.277
420a	- Accumulated Undistributed Profit by The End of The Previ		55.888.039.277	68.609.809.242
420b	- Undistributed Profit of the Current Period		88.147.943.424	119.278.230.035
440	TOTAL RESOURCES		1.351.346.734.392	1.281.134.010.475



THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Separate Financial statements

Quarter 1 of 2026

Preparer


Nguyen Trung Hieu

Chief Accountant


Le Hong Minh

Lao Cai, 30 April 2026

General Director




Nguyen Van Quyen

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Separate Financial statements

Quarter 1 of 2026

STATEMENT OF COMPREHENSIVE INCOME

Quarter 1 of 2026

Code	ITEM	Note	Quarter 1 of 2026		Quarter 1 of 2025		Accumulated until 31	
			VND	VND	VND	VND	March 2026	March 2025
01	1. Revenue from sale of goods and rendering of serv	16	111.568.762.188	64.002.087.035	111.568.762.188	64.002.087.035	64.002.087.035	
02	2. Deductible items		-	-	-	-	-	
10	3. Net revenue from sale of goods and rendering of services		111.568.762.188	64.002.087.035	111.568.762.188	64.002.087.035	64.002.087.035	
11	4. Cost of goods sold	17	33.533.866.570	29.656.306.789	33.533.866.570	29.656.306.789	29.656.306.789	
20	5. Gross profit from sale of goods and rendering of services		78.034.895.618	34.345.780.246	78.034.895.618	34.345.780.246	34.345.780.246	
21	6. Revenue from financial activities	18	32.287.853.447	2.250.101.716	32.287.853.447	2.250.101.716	2.250.101.716	
22	7. Financial expenses	19	1.204.778.324	928.447.266	1.204.778.324	928.447.266	928.447.266	
23	<i>In which: Interest expenses</i>		1.202.654.774		1.202.654.774		-	
25	8. Selling expenses							
26	9. General administrative expenses		7.499.066.013	6.946.440.061	7.499.066.013	6.946.440.061	6.946.440.061	
30	10. Net profit from operating activities		101.618.904.728	28.720.994.635	101.618.904.728	28.720.994.635	28.720.994.635	
31	11. Other income	20	1.491.976.559	176.251.600	1.491.976.559	176.251.600	176.251.600	
32	12. Other expense	21	108.001.257	615.000.984	108.001.257	615.000.984	615.000.984	
40	13. Other profit (loss)		1.383.975.302	(438.749.384)	1.383.975.302	(438.749.384)	(438.749.384)	
50	14. Total profit before tax		103.002.880.030	28.282.245.251	103.002.880.030	28.282.245.251	28.282.245.251	

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Separate Financial statements
 Quarter 1 of 2026

STATEMENT OF COMPREHENSIVE INCOME
Quarter 1 of 2026

Code	ITEM	Note	Quarter 1 of 2026		Quarter 1 of 2025		Accumulated until 31	
			VND	VND	VND	VND	March 2026	March 2025
51	15. Current business income tax expenses		14.854.936.606	-	5.656.449.050	-	14.854.936.606	5.656.449.050
52	16. Deferred business income tax expenses		-	-	-	-	-	-
60	17. Profit after tax		<u>88.147.943.424</u>	<u>22.625.796.201</u>	<u>88.147.943.424</u>	<u>22.625.796.201</u>	<u>88.147.943.424</u>	<u>22.625.796.201</u>
70	18. Basic earnings per share (*)							
71	19. Diluted earnings per share							

Preparer


 Nguyen Trung Hieu

Chief Accountant


 Le Hong Minh



STATEMENT OF CASH FLOWS

Quarter 1 of 2026
(Under indirect method)

Code	ITEM	Note	31 March 2026	31 March 2025
			VND	VND
	I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
01	1. Profit before tax		103.002.880.030	28.282.245.251
	2. Adjustments for			
02	- Depreciation and amortisation		7.747.594.167	10.161.107.613
03	- Provisions		(312.719.424)	586.228.461
04	- Gains/losses from unrealized foreign exchange		(296.617.173)	-
05	- Gains/losses from investing activities		(32.287.853.447)	(1.321.654.450)
06	- Interest expenses		1.202.654.774	-
07	- Other account adjustments			
08	3. Profit from operating activities before changes in working capital		79.055.938.927	37.707.926.875
09	- Increase/Decrease in receivables		(56.157.783.617)	5.093.261.587
10	- Increase/Decrease in inventory		(19.143.917)	(2.805.462.465)
11	- Increase/Decrease in payables (excluding interest payables, enterprise income tax payables)		(19.920.671.080)	(7.551.147.456)
12	- Increase/Decrease in prepaid expenses		(3.405.764.754)	48.657.812
13	- Increase and decrease in trading securities		-	-
14	- Interest expenses paid		(1.522.693.521)	-
15	- Corporate income tax paid		(16.309.112.806)	(3.208.434.272)
16	- Other receipts from operating activities		-	-
17	- Other expenses on operating activities		(594.500.000)	(1.752.396.000)
20	Net cash flows from operating activities		(18.873.730.768)	27.532.406.081
	II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
21	1. Purchase of fixed assets and other long-term assets		(42.181.853.646)	-
22	2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets		-	-
23	3. Loans to other entities and purchase of debt instruments of other entities		(3.500.000.000)	(20.000.000.000)
24	4. Repayment from borrowers and proceeds from sales of debt		7.103.125.000	5.603.125.000
25	5. Investments in other entities		-	-
26	6. Investment returns from other entities		-	-
27	7. Interest, dividends and profit received		20.646.521.866	182.460.146
30	Net cash flows from investing activities		(17.932.206.780)	(14.214.414.854)
	III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
33	1 Long-term and short-term borrowings received		9.900.000.000	-
34	2 Loan repayment		(4.372.101.451)	-
35	3 Finance lease principle paid		-	-
36	4 Dividends, profit paid to equity owners		-	(31.744.950.000)
40	Net cash flows from financing activities		5.527.898.549	(31.744.950.000)
50	Net decrease/increase in cash and cash equivalents		(31.278.038.999)	(18.426.958.773)
60	Cash and cash equivalents at beginning of the year		70.681.930.571	80.602.525.614
61	Impact of foreign exchange fluctuation		-	-
70	Cash and cash equivalents at end of year		39.403.891.572	62.175.566.841

THÁC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thác Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Separate Financial statements

Quarter 1 of 2026

STATEMENT OF CASH FLOWS

*Quarter 1 of 2026
(Under indirect method)*

Code	ITEM	Note	31 March 2026	31 March 2025
			VND	VND
				
				
				
				
	Nguyen Trung Hieu Preparer	Le Hong Minh Chief Accountant	Nguyen Van Quyen General Director	

Lao Cai, 30 April 2026


N:52
C
C
TH
TH
THÁC B

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

Quarter 1 of 2026

1 . BACKGROUND

1.1 . Forms of Ownership

Thac Ba Hydropower Joint Stock Company ("the Company") is a joint stock company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to the Business Registration Certificate No. 5200240495 issued by the Yen Bai Department of Planning and Investment on 31 March 2006. The Company subsequently received amended Enterprise Registration Certificates, with 9th amendment dated 03 September 2025 as the latest.

The Company's head office (including its headquarter and an independently accounting branch, the Technical Services Center) is located at Residential Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam.

Company's Legal capital: VND 635,000,000,000. Equivalent to 63,500,000 shares with the price of VND 10,000 per share.

1.2 . Business field

The company's business field is electric energy

1.3 . Business industry

The Company's business activities include:

- Production and trading of electricity;
- Management, operation, repair, maintenance, overhaul, renovation of hydraulic works, architectural works, equipment of hydroelectric plants and transformer stations, testing and adjustment of electrical equipment ;
- Buying, selling, importing and exporting materials and equipment;
- Consulting on construction investment projects, construction investment management, consulting on construction and installation supervision of electrical projects;
- Investing in power source and grid projects;
- Fostering and training on management, operation, maintenance and repair of power plant equipment;
- Trading in transportation and tourism services.

1.4 . Normal production and business cycle

The company's normal production and business cycle is 12 months starting on January 1 and ending on December 31 every year.

1.5 . Operations of the company in the fiscal year affecting the financial statements

1.6 . Enterprise structure

The company has an independent accounting branch:

- Branch of Thac Ba Hydropower Joint Stock Company - Technical Service Center

Address: Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam

The company directly owns 1 subsidiary with specific information as follows:

- Muong Hum Hydropower Joint Stock Company

Address: Hamlet Ban Xeo, Ban Xeo Commune, Lao Cai Province, Vietnam

- Ownership rate: 50.94%

- Main activities: Production and trading of electricity

2 . ACCOUNTING SYSTEM AND ACCOUNTING POLICY

2.1 . Accounting period and accounting monetary unit

02404
NG T
PHAI
Y DIE
IC BA
A-T.L

Annual accounting period commences from 1st January and ends as at 31st December.
The Company maintains its accounting records in VND.

2.2 . Accounting Standards and Accounting system*Accounting System*

The Company applies the Corporate Accounting System issued under Circular No. 99/2025/TT-BTC dated October 27, 2025, by the Ministry of Finance

Announcement on compliance with Vietnamese standards and accounting system

The Company applies Vietnamese Accounting Standards and supplement documents issued by the State. Financial statements are prepared in accordance with regulations of each standard and supplement documents as well as with current accounting system.

Form of accounting record

The Company is applying accounting record by computer

Applied accounting documentation system

The Company and its subsidiary's applied accounting documentation system is the General Journal.

2.3 . Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, demand deposits, and short-term investments with maturities not exceeding three months from the date of acquisition, which are readily convertible to known amounts of cash, subject to an insignificant risk of changes in value, and are not restricted for use by the Company

2.4 . Principles of accounting for financial investments**a** Trading securities**b** Investments held until maturity

Held-to-maturity (HTM) financial investments include term deposits, bonds, commercial papers, loans, and other debt securities that are not classified as cash equivalents. These investments are classified as current assets if their remaining maturity is 12 months or less from the end of the accounting period. In cases where the remaining maturity exceeds 12 months from the end of the accounting period, they are classified as non-current assets

c Loans**d** Invest in subsidiaries; joint venture and affiliated companies

Investments in subsidiaries over which the Company holds control are presented using the cost method. Profit distributions that the parent company receives from the accumulated profits of its subsidiaries after the date the parent company takes control are recorded in the parent company's operating results for the period. Other distributions are considered returns of investments and are subtracted from the investment value.

Investments in associates in which the Company has significant influence are presented using the cost method. Profit distributions from accumulated net profits of affiliated companies after the investment date are allocated to the Company's business results for the period. Other distributions are considered returns of investments and are subtracted from the investment value.

Investments in joint ventures are accounted for using the cost method. Joint venture capital contributions are not adjusted for changes in the company's share of the joint venture's net assets. The Company's Business Performance Report reflects the income divided from the accumulated net profit of the Joint Venture Company arising after contributing capital to the joint venture.

d Invest in equity instruments of other entities

e Accounting methods for other transactions related to financial investments

2.5 . Receivables

Receivables is presented on the Financial statements according to book value of trade receivable and other receivables after deducting provision for bad receivable debts.

The provision for bad receivable debts is made for each bad receivable debt based on overdue period of debts or possible loss.

2.6 . Inventories

Inventories are stated at original cost. Where the net realizable value is lower than cost, inventories should be measured at the net realizable value. The costs of inventories comprise the purchase price, costs of conversion and other costs incurred in bringing the inventories to their present location and condition.

The cost of inventory at the year-end is calculated by weighted average method.

Inventory is recorded by periodic method.

Provisions for devaluation of inventories made at the end of the period are the excess of original cost of inventory over their net realizable value.

2.7 . Fixed assets and depreciation of fixed assets

Finance leased fixed assets are recorded at cost according to fair value or the present value of the minimum lease payment (excluding VAT) and initial direct costs incurred in connection with the lease. fixed assets under financial lease. During use, finance leased fixed assets are recorded at cost, accumulated depreciation and residual value.

Fixed assets (tangible and intangible) are stated at the historical cost. During the using time, fixed assets (tangible and intangible) are recorded at cost, accumulated depreciation and net book value.

Depreciation of tangible fixed assets and amortisation of intangible fixed assets are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

- Buildings and structures	10 - 50 years
- Machinery and equipment	05 - 20 years
- Means of transportation	09 - 15 years
- Office equipment	03 - 10 years
- Other fixed assets	10 years
- Land use rights	50 years

2.8 . Business cooperation contract

Joint venture activities in the form of Jointly Controlled Business Activities and Jointly Controlled Assets are applied by the Company to general accounting principles as with other normal business activities. In there:

- The Company separately monitors income and expenses related to joint venture activities and makes allocations to the parties in the joint venture according to the joint venture contract;
- The Company separately tracks assets contributed to joint ventures, capital contributions to jointly controlled assets, and common and separate debts arising from joint venture activities.

2.9 . Prepaid expenses

Prepaid expenses only related to present fiscal year are recognised as short-term prepaid expenses and are recorded into operating costs.

Prepaid expenses incurred during the year but related to business operations of several years are recorded as long-term prepaid expenses and are amortised to the income statement in several years.

The calculation and allocation of long-term prepaid expenses to profit and loss account in the period should be based on nature of those expenses to select a reasonable method and allocated factors. Prepaid expenses are allocated partly into operating expenses on a straight-line basis.

2.10 . Debt payable**2.11 . Loans and financial lease liabilities****2.12 . Borrowing costs and capitalization of borrowing costs**

Borrowing costs are recorded in production and business expenses in the year when incurred, except for borrowing costs directly related to construction investment or production of unfinished assets which are included in the value of the asset. That asset (is capitalized) when all the conditions specified in Vietnamese Accounting Standard No. 16 "Borrowing costs" are met.

Borrowing costs directly related to investment in construction or production of unfinished assets that need a long enough period of time (over 12 months) to be put into use for the intended purpose or sold are included in the calculation. value of that asset (capitalized), including loan interest, allocation of discounts or premiums when issuing bonds, and additional costs incurred in connection with the procedure get a loan.

2.13 . Accrued expenses

Expenses not yet occurred may be charged in advance into production and operating costs in order to ensure when these expenses arise, they do not make material influence on production and operating costs on the basis of

2.14 . Owner's equity

Owner's equity is stated at actually contributed capital of owners.

Other capital of owner is the fair value of assets offered to the company by other entities or individuals less payable taxes (if any) imposed on these assets; and the amount added from income statement.

Profit after tax retained is the profit of business operations after deduction (-) regulated items due to applying a change in accounting retrospectively or to make a retrospective restatement to correct materiality in previous years. The profit is available for appropriation to investors after approval by General Meeting of Shareholder and after making appropriation to reserve funds in accordance with the Company's Charter and Vietnamese regulatory requirements.

Dividends to be paid to shareholders are recognised as a payable in Statement of financial position after declaration from the Board of Management and announcement closing date receipt dividends of Securities Depository Center of VietNam.

2.15 . Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than the Company's reporting currency of VND are recorded at the actual transaction exchange rates at transaction dates which are determined as follows:

- Transactions resulting in liabilities are recorded at the selling exchange rates of the commercial banks designated for payment;
- Capital contributions are recorded at the buying exchange rates of the commercial banks designated for capital contribution; and
- Payments for assets or expenses without liabilities initially being recognised is recorded at the buying exchange rates of the commercial banks that process these payments.

rates of the commercial banks that process these payments.

At the end of the year, monetary balances denominated in foreign currencies are translated at the actual exchange rates at the balance sheet dates which are determined as follows:

- Monetary assets are translated at buying exchange rate of the commercial bank where the Company conducts transactions regularly; and
- Monetary liabilities are translated at selling exchange rate of the commercial bank where the Company conducts transactions regularly.

All foreign exchange differences incurred are taken to the separate income statement.

2.16 . Revenue recognition

Sale of electricity power

Electricity revenue is determined based on the power purchase agreement signed by the Company with Vietnam Electricity ("EVN") and the related contract appendices (including payments related to water resource tax, forest environment service fees, and water resource exploitation rights fees).

Rendering of services

Where the contract outcome can be reliably measured, revenue is recognised by reference to the stage of completion. Stage of completion is measured based on the amount of services rendered and then confirmed by the client.

Where the contract outcome cannot be reliably measured, revenue is recognised only to the extent of the expenses recognised which are recoverable.

Sale of goods

Revenue is recognised when the significant risks and rewards of ownership of the goods have passed to the buyer, usually upon the delivery of the goods

Interest

Revenue is recognised as the interest accrues (taking into account the effective yield on the asset) unless collectability is in doubt.

Dividends

Income is recognised when the Company's entitlement as an investor to receive the dividend is established.

2.17 . Financial expenses

Items recorded into financial expenses consist of:

- Expenses or losses relating to financial investment activities;
- Expenses of capital borrowing;
- Loss due to foreign exchange differences arising from transactions relating to foreign currencies;
- Provision for devaluation of securities investment.

The above items are recorded by the total amount arising within the period without compensation to financial revenue.

2.18 . Taxation

Current tax

Current tax assets and liabilities for the current and prior periods are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted by the balance sheet date.

2.19 . Related Parties

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Separate Financial statements

Quarter 1 of 2026

Entities, individuals, directly or indirectly through one or more intermediaries, having control over the Company or being under the control of the Company, or being under common control with the Company, including the Company's parent, subsidiaries and affiliated companies, are related parties. Associates and individuals, directly or indirectly, holding voting power of the Company that have a significant influence on the Company, key management personnel including directors and employees of the Company, the close family members of these individuals or affiliated parties or companies associated with these individuals are also considered related party.

In considering the relationship of related parties, one should also consider the nature, not only the legal form of the relationship.

3 . CASH AND CASH EQUIVALENTS

	31 March 2026	01 January 2026
	VND	VND
Cash on hand	136.711.101	79.411.101
Cash at banks	39.267.180.471	20.602.519.470
Cash equivalents	-	50.000.000.000
	<u>39.403.891.572</u>	<u>70.681.930.571</u>

4 SHORT- TERM FINANCIAL INVESTMENTS

a Held-for-trading securities	31 March 2026		01 January 2026	
	Cost	Fair value	Cost	Fair value
Shares of Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company	13.694.543.500	13.980.450.000	13.694.543.500	13.728.550.000

The shares of this company are traded on the UPCOM market with a closing trading price on the last trading day in 31 March 2026 of 11.100 VND per share

b Investment held until maturity	31 March 2026		01 January 2026	
	Cost	Carrying value	Cost	Carrying value
b1 Short term				
- Term deposits (*)	45.500.000.000	45.500.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000
- Loans receivable	28.412.500.000	28.412.500.000	28.412.500.000	28.412.500.000
	<u>73.912.500.000</u>	<u>73.912.500.000</u>	<u>70.412.500.000</u>	<u>70.412.500.000</u>
b2 Long-term				
- Investment in subsidiaries(**)	337.624.176.764	-	337.624.176.764	-
Muong Hum Hydropower Joint Stock Company	337.624.176.764	-	337.624.176.764	-
- Investment in associate(***)	103.861.380.000	-	103.861.380.000	-
Thac Ba 2 Hydropower Investment Joint Stock Company	103.861.380.000	-	103.861.380.000	-
Loans receivable	68.706.250.000	-	75.809.375.000	-
- Investment in other entities (****)	60.510.300.000	12.210.000.000	60.510.300.000	11.990.000.000
Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company	11.960.300.000	12.210.000.000	11.960.300.000	11.990.000.000
Thai An Hydropower Joint Stock Company	48.550.000.000	-	48.550.000.000	-
Total	570.702.106.764	12.210.000.000	577.805.231.764	11.990.000.000

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Separate Financial statements

Quarter 1 of 2026

(**) As at 31 March 2026

- The Company holds 50.94% of the voting rights, corresponding to 25,889,270 shares of Muong Hum Hydropower Joint Stock Company. The Company is unable to determine the fair value of this investment as the shares of this company are not listed on the stock market.

(***) As at 31 March 2026

- The Company holds 49% of the voting rights, corresponding to 10,386,138 shares of Thac Ba 2 Hydropower Investment Joint Stock Company. The Company is unable to determine the fair value of this investment as the shares of this company are not listed on the stock market.

(****) As at 31 March 2026

- The Company holds 1,100,000 shares in Hai Phong Thermal Power Joint Stock Company for long-term investment purposes. The shares of this company are traded on the UPCOM market with a closing trading price on the last trading day in March 2026 of 11.100 VND per share (December 2025: 10.900 VND per share).

- The Company holds 5% of the voting rights, corresponding to 200,000 shares of Thai An Hydropower Joint Stock Company. The Company is unable to determine the fair value of this investment as the shares of this company are not listed on the stock market.

5 OTHER SHORT- TERM RECEIVABLES**a Short term**

	31 March 2026		01 January 2026	
	Cost	Preventive	Cost	Preventive
Receivables from dividends and profit	35.957.986.000		25.889.270.000	
Receivables from deposit interest	841.028.767	-	318.915.753	-
Receivables from employees	196.002.371	-	195.192.630	-
Deposit	-	-	-	-
Others	1.913.658.082	-	1.121.074.395	-
	<u>38.908.675.220</u>		<u>27.524.452.778</u>	

b Long term**6 . INVENTORIES**

	31 March 2026		01 January 2026	
	Cost	Preventive	Cost	Preventive
Goods in transit	-		-	
Raw material	3.835.797.975		4.358.990.728	
Tools, supplies	403.645.500		401.242.314	
Work in process	859.416.495		319.483.011	
	<u>5.098.859.970</u>		<u>5.079.716.053</u>	

7 . TAX AND RECEIVABLES FROM STATE BUDGET

	31 March 2026	01 January 2026
	VND	VND
Personal income tax	483.005.991	-
Value added tax	-	-
Natural resource tax	-	-
Business income	-	-
Other taxes	19.463.650	19.463.650
	<u>502.469.641</u>	<u>19.463.650</u>

8 . TANGIBLE FIXED ASSETS

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Separate Financial statements
 Quarter 1 of 2026

8 . TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings	Machinery, equipment	Transportation equipment	Management equipment	Others	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Original cost						
01 January 2026	658.588.194.484	1.037.217.445.422	25.544.743.284	8.598.719.661	117.454.545	1.730.066.557.396
Purchase	-	-	-	-	-	-
Finished construction investment	13.876.044.200	134.399.654.722	-	-	-	148.275.698.922
Others	-	-	-	-	-	-
Transferring into investment properties	-	-	-	-	-	-
Liquidating, disposed	-	-	-	-	-	-
Others	-	-	-	-	-	-
31 March 2026	672.464.238.684	1.171.617.100.144	25.544.743.284	8.598.719.661	117.454.545	1.878.342.256.318
Accumulated depreciation						
01 January 2026	615.219.982.074	773.941.882.476	17.973.584.966	5.949.351.902	117.101.956	1.413.201.903.374
Depreciation	877.824.794	6.277.016.563	325.491.774	100.053.130	352.589	7.580.738.850
Others	-	-	-	-	-	-
Transferring into investment properties	-	-	-	-	-	-
Liquidating, disposed	-	-	-	-	-	-
Others	-	-	-	-	-	-
31 March 2026	616.097.806.868	780.218.899.039	18.299.076.740	6.049.405.032	117.454.545	1.420.782.642.224
Net carrying amount						
01 January 2026	43.368.212.410	263.275.562.946	7.571.158.318	2.649.367.759	352.589	316.864.654.022
31 March 2026	56.366.431.816	391.398.201.105	7.245.666.544	2.549.314.629	-	457.559.614.094

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

 Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Separate Financial statements

Quarter 1 of 2026

9 . INTANGIBLE FIXED ASSETS

	Land use rights VND	Other intangible fixed assets VND	Total VND
Cost			
As at 01 January 2026	20.558.322.400	1.852.840.240	22.411.162.640
Purchase	-	-	-
Liquidating, disposed	-	-	-
Others	-	-	-
As at 31 March 2026	20.558.322.400	1.852.840.240	22.411.162.640
Accumulated depreciation			
As at 01 January 2026	6.394.107.406	1.608.079.124	8.002.186.530
Depreciation	102.788.304	64.067.013	166.855.317
Others	-	-	-
Liquidating, disposed	-	-	-
Others	-	-	-
As at 31 March 2026	6.496.895.710	1.672.146.137	8.169.041.847
Net carrying amount			
As at 01 January 2026	14.164.214.994	244.761.116	14.408.976.110
As at 31 March 2026	14.061.426.690	180.694.103	14.242.120.793

10 . CONSTRUCTION IN PROGRESS

Details of ending balance are as follows:

	31 March 2026 VND	01 January 2026 VND
The generating set upgrade project – Thac Ba hydroelectric power plant	-	110.082.238.512
The electrical equipment upgrade project – Thac Ba hydroelectric power plant.	8.730.304.543	2.294.701.741
Machinery and equipment have not been installed or tested (belonging to the project of upgrading equipment of the generator set - Thac Ba Hydropower Plant)	-	8.290.027.157
Others	1.529.018.311	447.588.681
The 110 kV line protection relay system renew project – Thac Ba hydroelectric power plant.	-	98.000.000
The high pressure air compressor N1, N2 renew project – Thac Ba hydroelectric power plant.	-	-
Downstream landslide treatment project	-	7.741.399.578
	10.259.322.854	128.953.955.669

11 . TAX AND STATUTORY OBLIGATIONS

	01 January 2026 VND	Receivable for the year VND	Payment received in the year VND	31 March 2026 VND
Value added tax	1.138.695.450	5.613.356.800	5.759.034.508	993.017.742
Business income tax	16.309.112.806	14.854.936.606	16.309.112.806	14.854.936.606
Water resources exploitation rights fee	-	5.234.099.000	-	5.234.099.000
Natural resource tax	2.876.600.601	13.196.788.954	12.425.761.438	3.647.628.117
Personal income tax	341.531.409	1.529.618.733	1.871.150.142	-
Other taxes	-	182.083.496	182.083.496	-

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

 Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Separate Financial statements

Quarter 1 of 2026

	<u>20.665.940.266</u>	<u>40.610.883.589</u>	<u>36.547.142.390</u>	<u>24.729.681.465</u>
12 . ACCRUED EXPENSES				-
a Short term			31 March 2026	01 January 2026
			VND	VND
Other payable expenses			<u>464.872.986</u>	<u>450.453.775</u>
			<u>464.872.986</u>	<u>450.453.775</u>
b Long term				
13 . OTHER SHORT-TERM PAYABLES				
a Short term			31 March 2026	01 January 2026
			VND	VND
Forest protection fee			4.310.982.612	3.821.341.896
Others			815.484.414	2.740.915.652
			<u>5.126.467.026</u>	<u>6.562.257.548</u>
14 LOANS				
	As at 01 January 2025	Derived expenses		31 March 2026
	Value	Increase	Decrease	Value
Long-term loans	VND	VND	VND	VND
Long-term loan due to be repaid	15.766.666.666	4.372.101.451	4.372.101.451	15.766.666.666
Long-term bank loans	74.891.666.666	9.900.000.000	4.372.101.451	80.419.565.215
Details of long-term bank loans are presented as follows:				
Bank	31 March 2026	Principal and interest repayment term	Interest rate	Description of collateral
Shinhanbank				
SHBVN/CM C/032023/H DTD/THAC BA-MAC	96.186.231.881	The Principal and interest are paid quarterly, the final loan matures on 6 September 2031	6,18%	Certificate of land use rights and machinery, equipment formed from the project
Total	96.186.231.881			
15 . OWNER'S EQUITY				
a) Increase and decrease in owner's equity				

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Separate Financial statements

Quarter 1 of 2026

15 . OWNER'S EQUITY**a) Increase and decrease in owner's equity**

	Share capital	Other owner's equity	Investment and development funds	Financial reserve fund	Undistributed earnings	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01 January 2026	635.000.000.000	-	302.057.614.951	-	187.888.039.277	1.124.945.654.228
01 January 2026	635.000.000.000	-	302.057.614.951	-	187.888.039.277	1.124.945.654.228
Increase in capital	-	-	-	-	-	-
Profit/loss of the year	-	-	-	-	-	-
Profit increased during the period	-	-	-	-	-	-
Buy treasury shares	-	-	-	-	88.147.943.424	88.147.943.424
Other increase	-	-	-	-	-	-
Decrease in capital	-	-	-	-	-	-
Appropriation to funds	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Dividends	-	-	-	-	(127.000.000.000)	(127.000.000.000)
Use of funds	-	-	-	-	-	-
Other adjustments (*)	-	-	-	-	-	-
31 March 2026	635.000.000.000	-	302.057.614.951	-	144.035.982.701	1.081.093.597.652

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

 Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Separate Financial statements

Quarter 1 of 2026

16 TOTAL REVENUE FROM SALE OF GOODS AND RENDERING OF SERVICES	Quarter 1 of 2026	Accumulated until 31 March 2026
	VND	VND
Electricity revenue	110.901.142.343	110.901.142.343
Rendering of services	667.619.845	667.619.845
	<u><u>111.568.762.188</u></u>	<u><u>111.568.762.188</u></u>
	-	-
17 COSTS OF GOODS SOLD	Quarter 1 of 2026	Accumulated until 31 March 2026
	VND	VND
Costs of finished goods	33.333.437.249	33.333.437.249
Costs of services rendered	200.429.321	200.429.321
	<u><u>33.533.866.570</u></u>	<u><u>33.533.866.570</u></u>
	-	-
18 FINANCIAL INCOME	Quarter 1 of 2026	Accumulated until 31 March 2026
	VND	VND
Interest income, interest from loans	2.757.669.006	2.757.669.006
Dividends, profits earned	28.728.197.000	28.728.197.000
Others	801.987.441	801.987.441
	<u><u>32.287.853.447</u></u>	<u><u>32.287.853.447</u></u>
	-	-
19 FINANCIAL EXPENSES	Quarter 1 of 2026	Accumulated until 31 March 2026
	VND	VND
Interest expenses	1.202.654.774	1.202.654.774
Payment discount, interest from installment sales	-	-
Loss from disposal of short-term and long-term investments	-	-
Other financial costs	2.123.550	2.123.550
Loss from sale of foreign currencies	-	-
Unrealized loss from foreign exchange difference	-	-
Provisions/reversal of provision for devaluation of investment	-	-
	<u><u>1.204.778.324</u></u>	<u><u>1.204.778.324</u></u>
	-	-
20 . OTHER INCOME	Quarter 1 of 2026	Accumulated until 31 March 2026
	VND	VND
- Liquidating, disposed	-	-
- Others	1.491.976.559	1.491.976.559
	<u><u>1.491.976.559</u></u>	<u><u>1.491.976.559</u></u>
	-	-
21 . OTHER EXPENSE	Quarter 1 of 2026	Accumulated until 31 March 2026
	VND	VND
- Net carrying amount	-	-
- Others	108.001.257	108.001.257
	<u><u>108.001.257</u></u>	<u><u>108.001.257</u></u>

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Separate Financial statements

Quarter 1 of 2026

22 . PRODUCTION AND OPERATING COSTS

	Quarter 1 of 2026	Accumulated until 31 March 2026
	VND	VND
Raw materials	201.192.936	201.192.936
Labour costs	10.065.351.501	10.065.351.501
Depreciation and amortization costs	7.747.594.167	7.747.594.167
Expenses for external services	1.465.553.742	1.465.553.742
Other expenses	22.093.173.721	22.093.173.721
	<u><u>41.572.866.067</u></u>	<u><u>41.572.866.067</u></u>

23 . GENERAL ADMINISTRATIVE EXPENSES

	Quarter 1 of 2026	Accumulated until 31 March 2026
	VND	VND
Raw materials	91.459.504	91.459.504
Labour costs	3.805.418.943	3.805.418.943
Fixed asset depreciation expense	376.943.838	376.943.838
Expenses for external services	1.032.493.761	1.032.493.761
Others	2.192.749.967	2.192.749.967
	<u><u>7.499.066.013</u></u>	<u><u>7.499.066.013</u></u>

24 . CORPORATE INCOME TAX

	Quarter 1 of 2026	Accumulated until 31 March 2026
	VND	VND
- Current tax expense	14.854.936.606	14.854.936.606
- Total	<u><u>14.854.936.606</u></u>	<u><u>14.854.936.606</u></u>

25 . SEGMENT REPORTING

Due to the Company's specific characteristics, electricity production and business activities account for over 95% of total revenue from sales and service provision and all production and business activities of the Company take place in the territory of Vietnam. Therefore, the Company does not prepare and present segment reports according to business fields and geographical areas.

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Separate Financial statements

Quarter 1 of 2026

26 . TRANSACTION AND BALANCES WITH RELATED PARTIES

Significant transactions between the Company and its related parties in the current year and previous year include:

<u>Related parties</u>	<u>Transactions</u>	<u>Relationship</u>	<u>Quarter 1 of 2026</u>	<u>Quarter 1 of 2025</u>
The Electric Power Trading Company - Vietnam Electricity	Electricity sale	Parent company of the major shareholder	110.901.142.343	60.243.112.413
	Dividend declared		76.730.336.000	-
R.E.E Energy Company Limited	Dividend paid	Parent company	-	19.182.584.000
	Dividend declared		38.100.000.000	-
Power Generation Joint Stock Corporation 3	Dividend paid	Major shareholder	-	9.525.000.000
	Lending recovery		5.603.125.000	5.603.125.000
	Interest from lending	Subsidiary	696.706.379	1.059.527.912
Muong Hum Hydropower Joint Stock Company	Others		45.000.000	45.000.000
	Revenue from rendering services		-	-
	Dividend declared		28.478.197.000	-
	Dividend paid		18.409.481.000	-
			-	-
Thac Ba 2 Investment Hydropower Joint Stock Company	Revenue from rendering services	Associate	577.416.650	3.359.345.455
	Others		1.118.313.750	60.000.000
	Financial revenue		1.667.356.566	410.630.697
	Capital		-	-
	A Loan		-	-
Indochina	Revenue from	Affiliate	-	-

Amounts due to and due from related parties at the separate balance sheet dates were as follows:

	<u>Relationship</u>	<u>31 March 2026</u>	<u>01 January 2026</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trade receivables		117.923.428.299	44.993.951.063
The Electric Power Trading Company - Vietnam Electricity	Parent company of the major shareholder	115.244.605.559	44.993.951.063
Indochina Electrical Development Joint Stock Company	Affiliate	-	-
Thac Ba 2 Investment Hydropower Joint Stock Company	Associate	2.678.822.740	2.414.851.408
Other receivables		37.655.917.832	25.917.982.561

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Separate Financial statements

Quarter 1 of 2026

Muong Hum Hydropower Joint Stock Company	Subsidiary	36.029.696.787	25.917.982.561
Thac Ba 2 Investment Hydropower Joint Stock Company	Associate	1.626.221.045	1.016.701.534
Other payables			
R.E.E Energy Company Limited	Parent company	76.730.336.000	-
Power Generation Joint Stock Corporation 3	Major shareholder	38.100.000.000	-
Short-term advance to suppliers			
Tra Khuc 2 Hydropower Investment Joint Stock Company	Associate	387.808.380	387.808.380
	<u>Relationship</u>	<u>31 March 2026</u>	<u>01 January 2026</u>
		VND	VND
Loan receivables			
Muong Hum Hydropower Joint Stock Company	Subsidiary	97.118.750.000	104.221.875.000
Thac Ba 2 Investment Hydropower Joint Stock Company	Associate	33.618.750.000	39.221.875.000
		63.500.000.000	65.000.000.000
<i>In there:</i>			
- Long-term loans are due		28.412.500.000	28.412.500.000
- Long-term loans		68.706.250.000	75.809.375.000

27 . OTHER INFORMATION

Explanation of profit after tax fluctuations in Quarter 1/2026 with Quarter 1/2025
Profit after corporate income tax in quarter 1/2026 reached 88.147.943.4249 VND
Profit after corporate income tax in quarter 1/2025 reached 22.625.796.201 VND

The Separate Profit After Tax (PAT) in Q1/2026 increased by VND 65,522,147,223 (up 290%) compared to Q1/2025 due to the following reasons:

- Total Revenue in Q1/2026 increased by VND 78,920,151,843 (up 119%) compared to Q1/2025, driven by:
(i) Revenue from electricity generation increased by VND 50,658,029,930 (up 84%) year-on-year. This was primarily due to the water level at the beginning of 2026 reaching 57.80m (0.46m higher than the same period last year), and the average water inflow to the reservoir in the first 03 months of 2026 reaching 93.5 m³/s, an increase of 24.77 m³/s (up 36%). Consequently, commercial electricity output in Q1/2026 reached 119.75 million kWh, up 39.88 million kWh (up 50%). Additionally, the average selling price in Q1/2026 was 926 VND/kWh, a 23% increase year-on-year.

(ii) Revenue from technical services decreased by VND 3,091,354,777 (down 82%) compared to Q1/2025, as the value of service contracts finalized and accepted in Q1/2026 was lower than in the same period last year.

(iii) Financial income increased by VND 30,037,751,731 (up 1,335%) year-on-year. This surge was mainly due to dividend income of VND 28.7 billion in Q1/2026 (including VND 250 million from TAH and VND 28.4 billion from MHP), whereas no dividend income was recorded in Q1/2025. Furthermore, income from interest on deposits, loans, and guarantee fees in Q1/2026 was VND 1.3 billion higher than in Q1/2025.

(iv) Other income in Q1/2026 increased by VND 1.3 billion (up 747%) compared to Q1/2025, primarily due to VND 1.07 billion in contractual compensation received. Additionally, the company recorded VND 176 million in interest from late payments on service contracts (which did not occur in Q1/2025).

- Total Expenses in Q1/2026 increased by VND 4,199,517,064 (up 11%) compared to Q1/2025. This was mainly due to higher natural resource tax and environmental forest service fees (MTR) resulting from the increase in commercial electricity output. Other operating expenses showed minor fluctuations

- Corporate Income Tax (CIT) in Q1/2026 increased by VND 9.1 billion year-on-year. While the CIT policy remained unchanged, the increase was solely due to the higher taxable income recorded in Q1/2026 compared to the same period in 2025.

THAC BA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY

Hamlet 1, Thac Ba Commune, Lao Cai Province, Vietnam
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Separate Financial statements


Quarter 1 of 2026



Nguyen Trung Hieu
Preparer



Le Hong Minh
Chief Accountant



Nguyen Van Quyen
General Director

Lao Cai, 30 April 2026

